



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)

Tên chương trình : Thạc sỹ theo định hướng ứng dụng
ngành Quản lý kinh tế
Trình độ đào tạo : Thạc sỹ
Ngành đào tạo : Quản lý kinh tế
Mã ngành : 8310110
Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2022 và được bổ sung nhiều nội dung mới như, triết lý giáo dục, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của CTĐT, mối tương quan mục tiêu với CDR, với các mức năng lực... để đáp ứng với yêu cầu mới của thị trường lao động có liên quan đến quản lý kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

1.2. Thông tin chung

+ Tên tiếng Việt: Quản lý kinh tế

+ Tên tiếng Anh: Economic management

Mã ngành: 8310110

Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

Thời gian: 2 năm

Tên bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sỹ Quản lý kinh tế

+ Tiếng Anh: Master of Economic management

Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa kinh tế, Trường Đại học Đông Đô

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

Thông tin tuyển sinh:

a. Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):

- Tuyển sinh chương trình Thạc sỹ quản lý kinh tế theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Theo đề án tuyển sinh cụ thể của Trường Đại học Đông Đô công bố hàng năm

- Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Không yêu cầu.

- Về lý lịch bản thân:

+ Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

+ Được cơ quan đồng ý cử đi học (nếu là CB-CNV hay giáo viên đương chức).

+ Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo qui định số 10/TT-LB ngày 18/08/2003

và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có đủ các điều kiện dự tuyển khác theo qui chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Trường Đại học Đông Đô.

+ Sinh viên tốt nghiệp các nhóm ngành gần phù hợp được học bổ sung kiến thức theo công bố cụ thể từng năm của Trường Đại học Đông Đô.

b. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

c. Điều kiện tốt nghiệp:

+ Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

+ Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu tổng quát : (Programme General Objectives - PGO)

Mục tiêu của Khoa kinh tế - Trường Đại học Đông Đô là đào tạo ra những học viên tốt nghiệp tiếp cận với trình độ của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới; học viên được chuẩn bị kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng thực hành cơ bản để tự học tập, làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề Quản lý kinh tế trong môi trường quốc tế; sử dụng thông thạo tin học văn phòng và ngoại ngữ

2.2. Mục tiêu cụ thể: (Programme Objectives – Gọi tắt là POs)

PO1: Triển khai được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của triết học để nhận thức, đánh giá các hiện tượng, sự vật đúng, khách quan, khoa học theo chuyên ngành đào tạo, đồng thời Triển khai thành thạo phương pháp nghiên cứu khoa học vào học tập, nghiên cứu đồng thời đạt trình độ ngôn ngữ Anh chuẩn B2

PO2: Về kiến thức cơ sở ngành, triển khai tốt kiến thức nền tảng cơ sở ngành về quản lý kinh tế, nghệ thuật lãnh đạo, quản trị học, khoa học quản lý vào giải quyết các tình huống chuyên môn cụ thể; phân tích sâu, rộng kiến thức chuyên ngành về quản lý nguồn nhân lực, quản lý tổ chức, phân tích chính sách để thực hiện tốt các nghiệp vụ quản lý kinh tế trong doanh nghiệp về chi phí, doanh thu, lợi nhuận, huy động vốn...

PO3: Thực hiện thuần thục các nghiệp vụ quản lý chủ yếu của doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức xã hội; sử dụng thuần thục kỹ năng phân tích tình huống, tổng hợp thông tin để kiểm soát tốt các tình huống chuyên môn phát sinh trong quá trình hoạt động về vấn đề kinh tế doanh nghiệp và và tổ chức tín dụng khác.

PO4: Thực hiện mức độ cao việc phân tích tình hình quản lý tổ chức, tài chính ngân sách của doanh nghiệp, của thị trường và các tổ chức tín dụng khác

PO5: Hình thành tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, linh hoạt, thích nghi kịp thời với sự thay đổi của hoàn cảnh học tập và làm việc

PO6: Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, trách nhiệm và hợp tác, giúp đỡ, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực tài quản lý kinh tế; Xây dựng kế hoạch cho quá trình học và nghiên cứu, khởi sự khởi nghiệp cho bản thân và cho cộng đồng.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Programme Learning Outcomes – Gợi tắt là PLOs).

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sỹ Quản lý kinh tế học viên có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO1 (K)	Triển khai vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của triết học để nhận thức, đánh giá các hiện tượng, sự vật đúng, khách quan, khoa học.	K3/5
PLO2 (K)	Triển khai thành thạo phương pháp nghiên cứu khoa học vào học tập, nghiên cứu đồng thời đạt trình độ ngôn ngữ Anh chuẩn B2	K3/5
1.2	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	Triển khai tốt kiến thức nền tảng cơ sở ngành về quản lý kinh tế, nghệ thuật lãnh đạo, quản trị học, khoa học quản lý vào giải quyết các tình huống chuyên môn cụ thể.	K3/5
PLO4	Triển khai tốt kiến thức về quản lý công, kinh tế quốc tế, chính sách kinh tế để tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế	K3/5
1.3	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	Phân tích sâu, rộng kiến thức chuyên ngành về quản lý nguồn nhân lực, quản lý tổ chức, phân tích chính sách để thực hiện tốt các nghiệp vụ quản lý kinh tế trong doanh nghiệp về chi phí, doanh thu, lợi nhuận, huy động vốn...	K4/5
PLO 6 (K)	Phân tích sâu rộng kiến thức về quản trị chiến lược, quản lý sự thay đổi, quản lý rủi ro tài chính, phân tích chính sách công vận dụng vào giải quyết những tình huống cụ thể và phát sinh trong quá trình tác nghiệp.	K4/5
2	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO7 (S)	Thực hiện thuần thục các nghiệp vụ quản lý chủ yếu của doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức xã hội	S3 /5
PLO8 (S)	Sử dụng thuần thục kỹ năng phân tích tình huống, tổng hợp thông tin để kiểm soát tốt các tình huống chuyên môn phát sinh trong quá trình hoạt động về vấn đề kinh tế doanh nghiệp và và tổ chức tín dụng khác.	S3 /5
2.2	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử	
PLO 9 (S)	Thực hiện mức độ cao việc phân tích tình hình quản lý tổ chức, tài chính ngân sách của doanh nghiệp, của thị trường và các tổ chức tín dụng khác	S4/5
PLO10	Hình thành tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, linh hoạt, thích nghi kịp thời với sự thay đổi của hoàn cảnh học tập và làm việc	S4 /5
3	Thái độ/ Năng lực tự chủ và tự trách nhiệm	
PLO11 (A)	Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, trách nhiệm và hợp tác, giúp đỡ, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực tài quản lý kinh tế	A3 /4
PLO12 (A)	Xây dựng kế hoạch cho quá trình học và nghiên cứu, khởi sự khởi nghiệp cho bản thân và cho cộng đồng	A4 /4

4. TRÍ VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP

- Học viên sau khi tốt nghiệp thạc sỹ ngành quản lý kinh tế có khả năng làm việc ở các doanh nghiệp thương mại thuộc tất cả các ngành và thành phần kinh tế.
- Làm việc phù hợp với tư cách là cán bộ chuyên môn ở các doanh nghiệp có hệ thống thương mại phức tạp hoặc cán bộ quản trị kinh doanh ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động như: Quản lý tổ chức, quản lý sự thay đổi, quản lý nguồn nhân lực, quản trị doanh nghiệp.
- Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng và quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính...) ở các doanh nghiệp; các cơ quan đào tạo và nghiên cứu với vai trò là người thực hiện trực tiếp hay người điều hành – quản lý.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

Các khối kiến thức	Số TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	11
Khối kiến thức cơ sở ngành	15
Khối kiến thức chuyên ngành	25
Thực tập & Đề án tốt nghiệp	9
Tổng	60

6.2. DANH SÁCH HỌC PHẦN

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	PHÂN BỐ		GHI CHÚ
				LT	BT/TL/TH	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		11			
1	8GDC001	Triết học	4	3	1	
2	8GDC002	Phương pháp NCKH nâng cao	3	1.5	1.5	
3	8QLK001	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	4	3	1	
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		15			
Các học phần bắt buộc			11			
4	8QLK002	Kinh tế học	3	1.5	1.5	
5	8QLK003	Quản trị học	3	1.5	1.5	
6	8QLK004	Nghệ thuật lãnh đạo	3	1.5	1.5	
7	8QLK005	Khoa học quản lý	2	1	1	
Các học phần tự chọn (02 học phần)			4/10			
8	8QLK006	Kinh tế đầu tư	2	1	1	
9	8QLK007	Quản lý công	2	1	1	
10	8QLK008	Kinh tế công cộng	2	1	1	
11	8QLK009	Kinh tế quốc tế	2	1	1	
12	8QLK010	Chính sách kinh tế	2	1	1	
III	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		25			
Các học phần bắt buộc			21			
13	8QLK011	Quản lý kinh tế	3	2	1	

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	PHÂN BỐ		GHI CHÚ
				LT	BT/TL/TH	
14	8QLK012	Quản lý nguồn nhân lực	3	2	1	
15	8QLK013	Quản lý tổ chức	3	2	1	
16	8QLK014	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	1	
17	8QLK015	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công	3	2	1	
18	8QLK016	Phân tích chính sách kinh tế	3	2	1	
19	8QLK017	Chuyên đề thực tế	3	0	3	
Các học phần tự chọn (02 học phần)			4/10			
20	8QLK018	Quản trị chiến lược	2	1	1	
21	8QLK019	Quản lý sự thay đổi	2	1	1	
22	8QLK020	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1	
23	8QLK021	Quản trị rủi ro tài chính	2	1	1	
24	8QLK022	Phân tích chính sách công	2	1	1	
IV	Đề án tốt nghiệp		9			
25	8QLK023	Đề án tốt nghiệp	9	0	9	
TỔNG CỘNG			60	29	31	

